TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **427**/2020/DS-ST
Ngày: 30/9/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Anh Ngọc
2. Bà Phan Thị Diệu Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K: Ông Nguyễn Hồng Dân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 593/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 654/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S;
Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268, đường N, Phường T, Quận B, Thành phố H.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Khánh D, sinh năm 1994; *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*
(Văn bản ủy quyền số 250/2020/UQ-PGDNVC ngày 30 tháng 5 năm 2020)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; *(Vắng mặt)*
Hộ khẩu thường trú: số 261/37/9C, đường C, Phường M, quận B, Thành phố H.
Tạm trú: số 46/2, đường B khu A, phường P, quận K, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/11/2017, ông Nguyễn Văn T có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã cấp cho ông T thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 472074-6062 với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.200.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.489.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 14/6/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 7.588.360 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 30/9/2020, ông T còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 7.588.360 đồng;

- Lãi quá hạn: 3.735.906 đồng.

Tổng cộng: 11.324.266 đồng *(Mười một triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng)*

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do ông T trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2020 là 11.324.266 đồng (trong đó nợ gốc là 7.588.360 đồng, lãi là 3.735.906 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 01/10/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tòa án nhân dân quận K đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 12/8/2020 và 28/8/2020 để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa xét xử:

- Ông Đặng Khánh D là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập

hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là đã tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của ông Nguyễn Văn T, thì ông T có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 10.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ Điều 351 và Điều 463 Bộ luật Dân sự có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 11.324.266 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2020 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng, thanh toán 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Hội đồng xét xử xét thấy tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/11/2017. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng. Do bị đơn ông Nguyễn Văn T cư trú tại quận K nên Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hạn khởi kiện và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:* Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn ông Nguyễn Văn T.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn:

- *Xét yêu cầu thanh toán số tiền 11.324.266 đồng (trong đó nợ gốc là 7.588.360 đồng và nợ lãi là 3.735.906 đồng).*

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng đối với bị đơn trong vụ án theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án được quy định tại Điều 199 và thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *"đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *"một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/11/2017 ông T đã ký với Ngân hàng thì hình thức và nội dung sự thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Ngân hàng và ông T đã thỏa thuận về việc cho vay số tiền 10.000.000 đồng, để tiêu dùng cá nhân. Thực hiện hợp đồng, ông T đã giao dịch với tổng số tiền là 29.200.000 đồng, đã thanh toán 25.489.000 đồng, còn nợ lại 11.324.266 đồng. Trong việc thực hiện hợp đồng trên, ông T là bên vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp đồng, Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán số tiền 11.324.266 đồng (trong đó nợ gốc là 7.588.360 đồng và lãi là 3.735.906 đồng) là phù hợp với quy định tại điểm 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Xét yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

Ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán số tiền 11.324.266 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 351 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

- Xét yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên.

Xét hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên có thỏa thuận rõ lãi suất, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 233 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/11/2017, tính đến ngày 30/9/2020 là 11.324.266 đồng (trong đó nợ gốc là 7.588.360 đồng và lãi là 3.735.906 đồng).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 566.213 đồng *(Năm trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm mười ba đồng)*.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu số 0070672 ngày 06/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận K cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

3. Địa điểm thi hành:

Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thùy Trang